

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BÐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BÐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu
2. Ông Phạm Thành Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BÐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh BÐ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BÐ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2022/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 968/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Như Th, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn Tân Dân, xã Nhơn An, thị xã AN, tỉnh BÐ; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Quốc H, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn Tân Hội, xã Phước H, huyện TP, tỉnh BÐ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Như Th trình bày:

Chị và anh Đặng Quốc H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn An, thị xã AN, tỉnh BÐ vào ngày 02-4-2018. Sau khi kết hôn, chị và anh H sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường cãi nhau, đồng thời anh H nghe lời cha mẹ ruột đối xử

không tốt với chị. Khi xảy ra mâu thuẫn, cha mẹ chồng không hoà giải mâu thuẫn mà chửi mắng chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Do đó, chị đã về nhà cha mẹ ruột để ở từ tháng 6 năm 2019 âm lịch đến nay. Từ đó đến nay, chị và anh H mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau, tình cảm đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Đặng Khánh H, sinh ngày 01/02/2018, hiện đang ở với chị, sức khỏe cháu bình thường. Hiện nay, chị không có mang thai. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Khánh H; chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đặng Quốc H đã được Tòa án tổng đạt thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nH cố tình vắng mặt, không cung cấp lời khai và chứng cứ.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th; giao cháu Đặng Khánh H, sinh ngày 01/02/2018 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Như Th không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Như Th yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con. Tòa án nhân dân huyện TP đã thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa lần hai, bị đơn anh Đặng Quốc H vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Cho nên, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Lê Thị Như Th và anh Đặng Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn An, thị xã AN, tỉnh BĐ vào ngày 02-4-2018, nên hôn nhân giữa chị Lê Thị Như Th và anh Đặng Quốc H là hôn nhân hợp pháp. Theo như chị Th trình bày và các chứng cứ đã cung cấp thì trong quá trình chung sống từ năm 2018 đến nay, giữa chị Th và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường cãi nhau, đồng thời anh H nghe lời cha mẹ ruột đối xử không tốt với chị, chị Th và anh H đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 âm lịch đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía anh H cũng không có động thái gì để làm thay đổi tình

trạng đó; Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo nH anh H không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình, có ý thức bỏ mặc; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Th và anh H được ly hôn.

[4] Chị Th và anh H có 01 con chung tên Đặng Khánh H, sinh ngày 01/02/2018, hiện đang ở với chị Th, sức khỏe cháu bình thường. Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét điều kiện của các bên cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Th phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Như Th và anh Đặng Quốc H.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Đặng Khánh H, sinh ngày 01/02/2018 cho chị Lê Thị Như Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Như Th phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006439 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh BD.

4. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh BD;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP;
- UBND xã Nhơn An, thị xã AN;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Tú